

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 2 MÔN TOÁN – LỚP 9 – NĂM HỌC 2025 - 2026

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Hàm số và đồ thị	Hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$) và đồ thị.			1 (TL1) 0,5đ		0,5
2	Phương trình	Phương trình bậc hai một ẩn.	1 (TL2a) 0,75đ		1 (TL2b) 0,5đ		2,5
		Định lí Viète.		2 (TL3a,3b) 1,25đ			
3	Thu thập và tổ chức dữ liệu	Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ.		2 (TL4a,4b) 1,5đ			1,5
4	Phân tích và xử lý dữ liệu	Bảng tần số, biểu diễn tần số. Bảng tần số tương đối, biểu đồ tần số tương đối.		1 (TL5a) 0,5đ	1 (TL5b) 1đ		1,5
5	Đường tròn	Tứ giác nội tiếp.	1 (TL6) 0,75đ			1 (TL9) 1đ	1,75

6	Các hình khối trong thực tiễn	Hình trụ. Hình nón. Hình cầu.	2 (TL7a, 8) 1,5đ	1 (TL7b) 0,75đ			2,25
Tổng			4 3,0	6 4,0	3 2,0	1 1,0	14 10,0
Tỉ lệ %			30%	40%	20%	10%	100%
Tỉ lệ chung			70%		30%		100%

BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 2 – MÔN TOÁN – LỚP 9 – NĂM HỌC 2025-2026

TT	Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
SỐ VÀ ĐẠI SỐ							
1	Hàm số và đồ thị	Hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$) và đồ thị.	Vận dụng - Vẽ được đồ thị của hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$).			1TL	
2	Phương trình	Phương trình bậc hai một ẩn.	Nhận biết - Nhận biết được khái niệm phương trình bậc hai một ẩn. Vận dụng - Giải được phương trình bậc hai.	1TL		1TL	
		Định lí Viète.	Thông hiểu - Giải thích được định lí Viète.		2TL		
3	Thu thập và tổ chức dữ liệu	Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ.	Thông hiểu - Lí giải và thiết lập được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thông kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/ cột kép; biểu đồ hình quạt tròn; biểu đồ đoạn thẳng.		2TL		
4	Phân tích và xử lý dữ liệu	Bảng tần số, biểu diễn tần số. Bảng tần số tương đối, biểu đồ tần số tương đối.	Thông hiểu - Giải thích được ý nghĩa và vai trò của tần số trong thực tiễn. Vận dụng - Thiết lập được bảng tần số ghép nhóm, bảng tần số tương đối ghép nhóm.			1TL	1TL

HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

5	Đường tròn	Tứ giác nội tiếp.	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được tứ giác nội tiếp đường tròn. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với đường tròn. 	1TL			1TL
6	Các hình khối trong thực tiễn	Hình trụ. Hình nón. Hình cầu.	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả (đường sinh, chiều cao, bán kính đáy) hình trụ. - Mô tả (đỉnh, đường sinh, chiều cao, bán kính đáy) hình nón. - Mô tả được (tâm, bán kính) hình cầu và tạo lập được hình cầu, mặt cầu. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính được thể tích của hình trụ hoặc hình nón hoặc hình cầu. 	2TL	1TL		

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II

Năm học: 2025 - 2026

MÔN **NGỮ VĂN 9**

Thời gian: 90 phút

I. MỤC ĐÍCH KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ:

- Kiến thức:** Đánh giá mức độ đạt chuẩn về năng lực Ngữ văn trình độ lớp 9 (CT Ngữ văn 2018).
- Kĩ năng:** Đọc hiểu văn bản; cảm thụ, phân tích để làm bài kiểm tra trong thời gian 90 phút.
- Thái độ:** Đánh giá thái độ học tập và nhận thức của học sinh.
- Đánh giá các năng lực hình thành qua kiến thức và kĩ năng:** Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tạo lập văn bản, năng lực ngôn ngữ, năng lực cảm thụ thẩm mỹ.

II. XÁC ĐỊNH CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG:

- Kiến thức phần Đọc hiểu:** Đọc - hiểu một văn bản thơ
- Kiến thức phần Viết:** Viết bài văn nghị luận về một văn bản thơ

III. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA:

- Hình thức:** Tự luận (100%)
- Cách thức tổ chức kiểm tra:** Học sinh làm bài kiểm tra tập trung trong 90 phút.

IV. THIẾT LẬP KHUNG MA TRẬN:

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	

1	Đọc hiểu	Thơ tự do	0	2	0	2	0	1	0	0	60
2	Viết	Bài văn nghị luận phân tích một bài thơ	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng số câu hỏi			0	2	0	2	0	1	0	1	100
Điểm (Tỉ lệ %)			20		25		15		40		
Tỉ lệ chung			60						40		

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức / Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	ĐỌC HIỂU	<ul style="list-style-type: none"> - Tri thức đọc hiểu: Đặc trưng của thể loại thơ - Tri thức Tiếng Việt: Biện pháp tu từ 	Nhận biết: - Nhận biết được một số yếu tố về luật của thơ như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ. - Nhận biết được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ.	2			
			Thông hiểu: - Phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của văn bản.		2		

			<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản. - Phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của tác giả thể hiện qua văn bản. - Lí giải được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ. - Trình bày được tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ trong văn bản thơ. 				
			<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do văn bản mang lại. <p style="text-align: center;"><i>(HS trả lời ngắn khoảng 7 dòng)</i></p>			1	
2	VIẾT	Bài văn nghị luận phân tích một bài thơ	<p>Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao:</p> <p>Viết được một văn bản nghị luận phân tích một bài thơ: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mỹ của tác phẩm.</p>	1*	1*	1*	1*
Tổng số câu hỏi				2TL	2TL	1TL	1TL
Điểm (Tỉ lệ %)				20%	25%	15%	40%
Tỉ lệ chung				60			40

TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT
NGÔ THỜI NHIỆM
TỔ NGOẠI NGỮ

KHUNG MA TRẬN KIỂM TRA HỌC KỲ 2
Môn: Tiếng Anh 9
Năm học 2025 - 2026

STT	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								Tổng số câu	
		NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO			
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
2	- Ngữ âm	4								4	
3	- Từ vựng trong ngữ cảnh	2		5						7	
4	- Ngữ pháp: <i>Past continuous (U7)</i>	1								1	
5	- Ngữ pháp: <i>Verbs + to-infinitive (U8)</i>	1								1	
6	- Ngữ pháp: <i>Noun clause as a subject complement (U7)</i>	1								1	
7	- Ngữ pháp: <i>Noun phrase after such (U7)</i>	1								1	
8	- Ngữ pháp: <i>so/ such + quantifiers + that (U7)</i>	1								1	
9	- Ngữ pháp: <i>Parallel structure (U7)</i>	1								1	
10	- Ngữ pháp: <i>An action interrupted another past action in progress (U7)</i>					1				1	
11	- Ngữ pháp: <i>First Conditional with modals (U8)</i>					1				1	
12	- Chức năng giao tiếp					2				2	
13	- Đọc thông tin biển báo, quảng cáo			2						2	
14	- Đọc điền từ	1		5						6	
15	- Đọc hiểu, trả lời câu hỏi	2		3		1				6	

16	- Từ loại		3			2			5		
17	- Hoàn thành câu với từ vựng		2						2		
18	- Biến đổi câu					4			4		
TỔNG		15	5	15	0	5	6		35	11	
TỈ LỆ		40 %		30 %		30 %		0 %		70 %	30 %

MA TRẬN ĐỀ THI CUỐI HK II KHỐI 9 NĂM HỌC 2025 – 2026

S T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kĩ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Ngữ âm	Phát âm	Biết - Xác định được từ gạch chân có cách phát âm khác với các từ còn lại + <i>Phụ âm</i> + <i>Nguyên âm</i>	2			
		Nhấn âm	- Biết - Xác định được từ có vị trí nhấn khác các từ còn lại. + <i>Các từ 2 âm tiết; được lấy từ được lấy từ unit 7,8</i> + <i>Các từ 3 âm tiết; được lấy từ được lấy từ unit 7,8</i>	2			
3	Từ vựng	Từ vựng trong ngữ cảnh	Biết - Tìm được giới từ cố định sau một số động từ, tính từ hoặc các cụm từ quen thuộc + <i>be stuck in (U7), be in charge of (U7), have problem with (U7)</i> - Tìm được từ thường kết hợp với từ cho sẵn để tạo thành cụm từ cố định; + + <i>play a role (U8), make money (U8), do experiment (U8)</i> Hiểu	2 <i>(1 giới từ - 1 cụm từ cố định)</i>	5		

			<p>- So sánh sự khác nhau về nghĩa của các từ, từ đó chọn đúng từ hợp nghĩa với ngữ cảnh.</p> <p>+ <i>mechanic/ producer/ specialist/ constructor (U8)</i></p> <p>+ <i>reduce/ involve/ attract/ direct (U7)</i></p> <p>+ <i>faraway/ popular/ virtual/ digital (U8)</i></p> <p>+ <i>solution/ accident/ vehicle/ business (U7)</i></p> <p>+ <i>implement/ encourage/ volunteer/ organize (U7)</i></p>				
4	Ngữ pháp	Thì của động từ	<p>Biết</p> <p>- Xác định được thì của động từ dựa vào các dấu hiệu nhận biết cơ bản; từ đó chọn được cụm từ có hình thức của thì vừa được xác định.</p> <p>+ <i>Past continuous (U7)</i></p>	1			
		(<i>cấu trúc theo đơn vị bài học</i>)	<p>Biết</p> <p>- Xác định được <i>tên của cấu trúc</i> từ dựa vào các dấu hiệu nhận biết cơ bản; từ đó chọn được cụm từ có hình thức khớp với <i>cấu trúc</i> vừa được xác định.</p> <p>+ <i>Verbs + to-infinitive (U8)</i></p> <p>+ <i>Noun clause as a subject complement (U7)</i></p> <p>+ <i>Noun phrase after such (U7)</i></p> <p>+ <i>so/ such + quantifiers + that (U7)</i></p> <p>+ <i>Parallel structure (U7)</i></p> <p>Hiểu</p> <p>- Sử dụng kiến thức về hình thức và cách sử dụng của các cấu trúc có mối liên quan gần nhau; từ đó xác định đúng <i>cấu trúc</i> và chọn được cụm từ có hình thức khớp với <i>cấu trúc</i> vừa được xác định.</p> <p>+ <i>An action interrupted another past action in progress (U7)</i></p> <p>+ <i>First Conditional with modals (U8)</i></p>	5		2	
5	Nói	Chức năng giao tiếp	<p>Vận dụng</p> <p>- Xem xét ý nghĩa của lời nói đó chọn cách diễn đạt phù hợp để phản hồi</p> <p>+ <i>Asking for clarification (U7)</i></p> <p>+ <i>Showing thanks (U8)</i></p>				2

6	Đọc	Thông tin	Hiểu - Xem xét ý nghĩa nội dung biển báo, mẫu thông tin quảng cáo ... từ đó chọn câu phát biểu phù hợp; + <i>A poster about healthy living</i> + <i>An advertisement about tour to natural wonders</i>		2		
		Điền từ	Biết - Xác định giới từ cố định sau một số động từ, tính từ hoặc các cụm từ quen thuộc Hiểu - Xem xét ý nghĩa của đoạn văn từ đó chọn đúng liên từ đảm bảo tính mạch lạc. + <i>Nội dung bài đọc liên quan đến chủ điểm unit 7,8</i>	1 (giới từ)	5		
		Đọc hiểu	Biết - Xác định được thông tin trong bài đọc bằng cách sử dụng từ khóa (<i>key word</i>); từ đó quyết định thông tin trong phát biểu là đúng hay sai; hoặc tìm ra thông tin đúng theo bài đọc. Hiểu - Diễn giải thông tin bài đọc và thông tin trong phát biểu; từ đó quyết định thông tin trong phát biểu là đúng, sai hay không được nhắc đến - Diễn giải ngữ cảnh trong bài đọc; từ đó dự đoán được nghĩa của từ vựng và chọn được từ có nghĩa gần giống với từ được gạch chân; (<i>câu hỏi từ vựng đồng nghĩa</i>) Vận dụng - Xem xét kĩ các thông tin trong bài đọc; từ đó tìm ra đúng ý chính của đoạn văn đọc hiểu + <i>Nội dung bài đọc liên quan đến chủ điểm unit 7,8</i>	2	3 (gồm 1 câu NI và 1 câu từ vựng)	1	
7	Viết	Từ loại	Biết - Xem xét kĩ từ loại còn thiếu, từ đó cung cấp đúng từ loại để được câu hoàn chỉnh - <i>congested, polluted, crowded</i>	3		2	

		<ul style="list-style-type: none"> - <i>innovation/ population/ implementation</i> - <i>potentially/ creatively/ normally</i> <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo ra được từ vựng có hình thức đúng dựa trên việc sử dụng kiến thức về chức năng, vị trí, cách thành lập của các loại từ và có nghĩa hợp với ngữ cảnh. - <i>uncomfortable/ unattractive/ inexplicable</i> - <i>apartment/ department/ compartment</i> 				
	Hoàn thành câu	<p>Biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - xác định được cụm từ còn thiếu phù hợp với ngữ cảnh của câu cho sẵn; từ đó điền vào chỗ trống để có được 1 câu hoàn chỉnh - <i>decrease/ research/ demand</i> 	2			
	Biến đổi câu	<p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo lập câu dựa trên việc sử dụng kiến thức về cấu trúc và từ loại đã được dạy hoặc phối hợp 2 cấu trúc khác nhau; - <i>past continuous with an interrupting action</i> - <i>and = If you want</i> - <i>such ... that = so ... that</i> - <i>lose homes = become homeless</i> 			4	
Tổng câu (50 câu)			20	15	11	
Tổng điểm (10 điểm)			4	3	3	
Tỉ lệ			40%	30%	30%	

TRƯỜNG TH, THCS và THPT NGÔ THỜI NHIỆM

MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ NỘI DUNG THEO NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

MÔN: **KHOA HỌC TỰ NHIÊN 9** – Kì kiểm tra Cuối học kì II – Thời gian làm bài: 60 phút

NĂM HỌC: 2025-2026

1. KHUNG MA TRẬN

STT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Cấp độ tư duy - Mức độ đánh giá						Tổng số câu		Điểm số
			PHẦN I (16 câu TN)			PHẦN II (6 câu TL)			TN	TL	Tổng
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	GIỚI THIỆU VỀ CHẤT HỮU CƠ. HYDRO CARBON	Bài 24. Alkene Bài 25. Nguồn nhiên liệu	2						2		0,5
2	ETHYLIC ALCOHOL VÀ ACETIC ACID	Bài 26. Ethylic alcohol	1						1		0,25
		Bài 27. Acetic acid	1						1		0,25
3	LIPID. CARBOHYDRATE. PROTEIN. POLYMER	Bài 28. Lipid		1					1		0,25
		Bài 30. Tinh bột và cellulose	1						1		0,25
		Bài 31. Protein	1						1		0,25
		Bài 32. Polymer	1	1					1	1	1,5

STT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Cấp độ tư duy - Mức độ đánh giá						Tổng số câu		Điểm số	
			PHẦN I (16 câu TN)			PHẦN II (6 câu TL)			TN	TL	Tổng	
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
4	KHAI THÁC TÀI NGUYÊN TỪ VỎ TRÁI ĐẤT	Bài 35. Khai thác nhiên liệu hóa thạch. Nguồn carbon. Chu trình carbon và sự ấm lên toàn cầu.						1			1	1,0
5	DI TRUYỀN HỌC MENDEL. CƠ SỞ PHÂN TỬ CỦA HIỆN TƯỢNG DI TRUYỀN	Bài 36. Khái quát về di truyền học Bài 37. Các quy luật di truyền của Mendel	1	1		1		1*	2	1+1*	2,5	
		Bài 38. Nucleic acid và gene	1	1			1		2	1	1,5	
		Bài 39. Tái bản DNA và phiên mã tạo RNA Bài 40. Dịch mã và mối quan hệ từ gene đến tính trạng	3					$\frac{1}{2} + \frac{1}{2}$	3	1	1,75	
6	Số câu TN/ Số ý TL (Số YCCĐ)		12TN	4TN	0	1TL	2TL	3TL	16	6		
7	Điểm số		3,0	1,0	0	1,0	2,0	3,0	4,0	6,0	10,0	
8	Tổng số điểm		4,0 điểm			6,0 điểm			10 điểm		10 điểm	

Ghi chú:

- + Các con số trong bảng thể hiện số lượng lệnh hỏi. Mỗi câu hỏi tại phần I và phần II là một lệnh hỏi
- + **Phần 1:** 16 câu TN lý thuyết – 4,0 điểm. **Phần 2:** 6 câu Tự Luận – 6,0 điểm

2. BẢN ĐẶC TẢ

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra đánh giá.	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	GIỚI THIỆU VỀ CHẤT HỮU CƠ. HYDRO CARBON VÀ NGUỒN NHIÊN LIỆU	Bài 24. Alkene Bài 25. Nguồn nhiên liệu	Nhận biết: - Nêu được khái niệm về alkene. - Viết được công thức cấu tạo và nêu được tính chất vật lí của ethylene. - Nêu được khái niệm, thành phần, trạng thái tự nhiên của dầu mỏ, khí thiên nhiên và khí mỏ dầu. - Nêu được khái niệm về nhiên liệu, các dạng nhiên liệu phổ biến (rắn, lỏng, khí).	2TN		
2	ETHYLIC ALCOHOL VÀ ACETIC ACID	Bài 26. Ethylic alcohol.	Nhận biết: - Viết được công thức phân tử, công thức cấu tạo và nêu được đặc điểm cấu tạo của ethylic alcohol. - Nêu được ứng dụng của ethylic alcohol. - Nêu được khái niệm và ý nghĩa của độ cồn.	1TN		
		Bài 27. Acetic acid.	Nhận biết: - Viết được công thức phân tử, công thức cấu tạo và nêu được đặc điểm cấu tạo của acetic acid. - Nêu được một số tính chất vật lí và tính chất hóa học của acetic acid. - Nêu được ứng dụng acetic acid.	1TN		
3	LIPID. CARBOHYDRATE. PROTEIN. POLYMER	Bài 28. Lipid	Thông hiểu: - Trình bày được tính chất vật lí của và tính chất hóa học của chất béo. - Trình bày được ứng dụng của chất béo và đề xuất biện pháp sử dụng chất béo cho phù hợp trong việc ăn uống hàng ngày để có cơ thể khỏe mạnh, tránh được bệnh béo phì.		1TN	
		Bài 30. Tinh bột và cellulose	Nhận biết: - Nêu được trạng thái tự nhiên, tính chất vật lí của tinh bột và	1TN		

			<p>cellulose.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được tính chất hoá học của tinh bột và cellulose: phản ứng thủy phân; hồ tinh bột có phản ứng màu với iodine. - Nêu được tầm quan trọng của sự tạo thành tinh bột, cellulose trong cây xanh. 			
		Bài 31. Protein	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm, đặc điểm cấu tạo phân tử và khối lượng phân tử của protein. - Nêu được tính chất hoá học của protein: Phản ứng thủy phân có xúc tác acid, base hoặc enzyme, bị đông tụ khi có tác dụng của acid, base hoặc nhiệt độ; dễ bị phân huỷ khi đun nóng mạnh. - Phân biệt được protein (len lông cừu, tơ tằm) với chất khác (tơ nylon). 	1TN		
		Bài 32. Polymer	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm polymer, monomer, mắt xích..., cấu tạo, phân loại polymer (polymer thiên nhiên và polymer tổng hợp). <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được tính chất vật lí chung của polymer (trạng thái, khả năng tan). - Trình bày được ứng dụng của polyethylene; cách sử dụng, bảo quản một số vật dụng làm bằng chất dẻo, tơ cao su trong gia đình an toàn, hiệu quả. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện vấn đề ô nhiễm môi trường khi sử dụng polymer không phân hủy sinh học (polythylene). - Đề xuất các cách hạn chế gây ô nhiễm môi trường khi sử dụng vật liệu polymer trong đời sống. 	1TN	1TN	1TL
4	KHAI THÁC TÀI NGUYÊN TỪ VỎ TRÁI ĐẤT	Bài 35. Khai thác nhiên liệu hóa thạch. Nguồn carbon. Chu trình carbon và sự ấm lên toàn cầu.	<p>Thông hiểu:</p> <p>Trình bày được thành phần chính của dầu mỏ và nêu công dụng của các thành phần đó.</p>		1TL	

5	DI TRUYỀN HỌC MENDEL. CƠ SỞ PHÂN TỬ CỦA HIỆN TƯỢNG DI TRUYỀN.	Bài 36. Khái quát về di truyền học Bài 37. Các quy luật di truyền của Mendel	Nhận biết: - Phân biệt di truyền và biến dị. - Nêu được gene quy định di truyền và biến dị ở sinh vật. - Trình bày được qui luật phân li, qui luật phân li độc lập. Thông hiểu: - Trình bày được thí nghiệm lai phân tích. Nêu được vai trò của phép lai phân tích. Vận dụng: - Dựa vào công thức lai hai tính trạng và kết quả lai trong thí nghiệm của Mendel, giải thích được, làm sáng tỏ kết quả thí nghiệm theo Mendel. Phát biểu được quy luật phân li độc lập.	1TN 1TL	1TN	1*TL
		Bài 38. Nucleic acid và gene	Nhận biết: - Nêu được khái niệm nucleic acid. Kể tên được các loại nucleic acid: DNA và RNA. - Nêu được khái niệm gene. Thông hiểu: - Mô tả được DNA với cấu trúc xoắn kép, gồm các đơn phân là 4 loại nucleotide, các nucleotide liên kết giữa hai mạch theo nguyên tắc bổ sung. - Giải thích được vì sao chỉ từ 4 loại nucleotide nhưng tạo ra được sự đa dạng của phân tử DNA. - Trình bày được RNA có cấu trúc một mạch, chứa 4 loại nucleotide. Phân biệt được các loại RNA dựa vào chức năng. - Phân biệt được DNA và RNA.	1TN	1TN 1TL	

	<p>Bài 39. Tái bản DNA và phiên mã tạo RNA</p> <p>Bài 40. Dịch mã và mối quan hệ từ gene đến tính trạng</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được ý nghĩa di truyền của tái bản DNA. - Dựa vào hình ảnh (sơ đồ) quá trình phiên mã, nêu được khái niệm phiên mã. - Nêu được khái niệm mã di truyền, giải thích được từ bốn loại nucleotide tạo ra được sự đa dạng của mã di truyền; nêu được ý nghĩa của đa dạng mã di truyền, mã di truyền quy định thành phần hóa học và cấu trúc của protein. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả sơ lược quá trình tái bản của DNA và kết quả của quá trình. Xác định trình tự nucleotide trên phân tử RNA được phiên mã từ một đoạn DNA. - Vận dụng kiến thức từ gene đến tính trạng, nêu được cơ sở của sự đa dạng về tính trạng của các loài. 	3TN		1TL
TỔNG	Trắc nghiệm	Số câu: 16 câu	12TN	4TN	
		Số điểm: 4,0 điểm	3,0 điểm	1,0 điểm	
	Tự luận	Số câu: 6 câu	1TL	2TL	3 TL
		Số điểm: 6,0 điểm	1,0 điểm	2,0 điểm	3,0 điểm
Tỉ lệ %			40%	30%	30%

MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ NỘI DUNG THEO NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

Môn: CÔNG NGHỆ 9 – Kỳ kiểm tra cuối học kì II

Năm học: 2025-2026

1. MA TRẬN

TT	Chủ đề	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá						Tổng			Tỉ lệ % điểm
			Trắc nghiệm NLC			Tự luận			Biết	Hiểu	Vận dụng	
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Chủ đề: Thực hành lắp đặt mạng điện trong nhà	1.1. Thực hành lắp đặt mạch điện bảng điện	4	2	0	0,5	0	0	4,5	2	0	25 %
		1.2. Thực hành lắp đặt mạch đèn cầu thang	4	1	0	0	0,5	0,5	4	1,5	0,5	32,5%
		1.3. Thực hành lắp đặt mạch điện điều khiển hai đèn sáng luân phiên.	4	1	0	0	0,5	1	4	1,5	1	42,5%
Tổng số câu			12	4	0	0,5	1	1,5	12,5	5	1,5	19 câu
Tổng số điểm			3	1	0	1	2	3	4	3	3	10 điểm
Tỉ lệ % điểm			30%	10%	0%	10%	20%	30%	40%	30%	30%	100%

2. BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Chương/chủ đề	Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt (Đã được tách ra các chỉ báo và mức độ)	Số lượng chỉ báo	
				Trắc nghiệm	Tự luận
				NLC	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)
1	Chủ đề: Thực hành lắp đặt mạng điện trong nhà	1.1. Thực hành lắp đặt mạch điện bảng điện	Biết: - Kể tên được các phần tử điện có trong sơ đồ nguyên lí mạch điện bảng điện - Nhận biết một số kí hiệu của phần tử trong sơ đồ nguyên lí của mạch điện bảng điện. - Nắm được các thao tác trong quá trình thực hành.	4	0,5
			Hiểu: - Trình bày được cách mắc các thiết bị điện trong sơ đồ nguyên lí. - Nắm được một số thao tác đảm bảo an toàn điện trong khi thực hành.	2	0
			Vận dụng:	0	0
		1.2. Thực hành lắp đặt mạch đèn cầu thang	Biết: - Nêu được các bước thực hành lắp đặt mạch đèn cầu thang. - Nhận biết được một số thiết bị, dụng cụ, vật liệu cần dùng trong quá trình. - Nắm được các tiêu chí đánh giá bài thực hành	4	0
			Hiểu: - Trình bày được các thao tác cần thực hiện tại các bước trong quy trình lắp đặt mạch đèn cầu thang	1	0,5
	Vận dụng: - Vẽ được sơ đồ minh họa nội dung thao tác thực hành - Vẽ được sơ đồ nguyên lí mạch đèn cầu thang với một số thiết bị, dụng cụ.		0,5		
	Biết:		4	0	

	<p>1.3. Thực hành lắp đặt mạch điện điều khiển hai đèn sáng luân phiên.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các bước thực hành lắp đặt mạch đèn cầu thang. - Nhận biết được một số thiết bị, dụng cụ, vật liệu cần dùng trong quá trình. - Nắm được các tiêu chí đánh giá bài thực hành 		
		<p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các thao tác cần thực hiện tại các bước trong quy trình lắp đặt mạch điện điều khiển hai đèn sáng luân phiên. 	1	0,5
		<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ được sơ đồ minh họa nội dung thao tác thực hành - Vẽ được sơ đồ nguyên lí mạch điện điều khiển hai đèn sáng luân phiên với một số thiết bị, dụng cụ. 	0	1
Tổng số câu			16	3

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Loại bài kiểm tra: định kỳ - Cuối HK2

Khối 9 – ICT

I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ-NLC			TNKQ-ĐS			Tự luận			Biết	Hiểu	Vận dụng	
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng				
1	Chủ Đề 4: Ứng dụng Tin học	Bài 10A. Thực hành trực quan hoá dữ liệu và đánh giá dự án	4	3	3	2	1	1			12	6	4	16	65%
2	Chủ Đề 5: Giải Quyết Vấn Đề Với Sự Trợ Giúp Của Máy Tính	Bài 11. Giải quyết vấn đề	3	4	3	2	1	1				5	5	4	35%
Tổng số câu			7 câu	7 câu	6 câu	4 ý	2 ý	2 ý			12 ý	11	9	20	
Tổng số điểm			1.75	1.75	1.5	1	0.5	0.5			3	2.75	2.25	5	
Tỉ lệ %			50%			20%			30%			28%	22%	50%	

II. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá									Tự luận			
				TNKQ												
				Nhiều lựa chọn			“Đúng – Sai” ²			Trả lời ngắn ³						
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
	Chủ Đề 4: Ứng dụng Tin học	Bài 10A. Thực hành trực quan hoá dữ liệu và đánh giá dự án	<ul style="list-style-type: none"> * Biết: <ul style="list-style-type: none"> – Biết cách đánh giá, tổng hợp và rút ra nhận xét về tình hình tài chính từ dữ liệu đã xử lý * Hiểu: <ul style="list-style-type: none"> – Tạo được các loại biểu đồ (hình quạt tròn, cột, đường gấp khúc) phù hợp để biểu diễn dữ liệu tài chính. – Thực hiện trực quan hóa dữ liệu chi tiết thu, chi một cách khoa học. * Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> – Chính sửa, định dạng biểu đồ, bảng tính để tăng tính trực quan và dễ hiểu. 	4	3	3	2	1	1							12
	Chủ Đề 5: Giải Quyết Vấn Đề Với Sự Trợ Giúp Của Máy Tính	Bài 11. Giải quyết vấn đề	<ul style="list-style-type: none"> * Biết: <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được quá trình giải quyết vấn đề. * Hiểu: <ul style="list-style-type: none"> – Hiểu và mô tả được giải pháp dưới dạng thuật toán 	3	4	3	2	1	1							

			(bằng phương pháp liệt kê các bước hoặc bằng sơ đồ khối).											
			* Vận dụng:											
			– Giải thích được trong quy trình giải quyết vấn đề có những bước (những vấn đề nhỏ hơn) có thể chuyển giao cho máy tính thực hiện, nêu được ví dụ minh họa.											
		Tổng số câu		7 câu	7 câu	6 câu	4 ý	2 ý	2 ý					12 ý
		Tổng số điểm		1.75	1.75	1.5	1	0.5	0.5					3
		Tỉ lệ %		50%			20%			30%				

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 9

STT	Chương/ chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng số câu			Tỉ lệ % điểm	
			Trắc nghiệm						Tự luận										
			Phần I (Trắc nghiệm nhiều lựa chọn)			Phần II (Trắc nghiệm đúng sai)			Phần III (Trả lời ngắn)										
			NB	TH	VD	NB	TH	VD	NB	TH	VD	NB	TH	VD	NB	TH	VD		
Lịch sử																			
1	Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1991.	- Việt Nam từ năm 1965 đến năm 1975. - Việt Nam từ năm 1976 đến năm 1991.	C1, C2										C1-a	C1-b	C1, 2 C3, 4	C1-a	C1-b, C7, C8	40%	
2	Thế giới từ năm 1991 đến nay	Trật tự thế giới mới từ năm 1991 đến nay.	C5, C6			C1-a,b	C1-c,d								C5, C6 C1-a,b	C1-c,d			
Tổng số câu			6		2	2	2						1	1	8	3	3	14	
Tổng điểm			1.5		0.5	0.5	0.5						1.0	1.0	2.0	1.5	1.5	50%	
Tỉ lệ			30%						20%						20%	15%	15%	50%	
Địa lí																			
1	Sự phân hóa lãnh thổ	- Vùng Đông Nam Bộ	C9, C10		C11	C2-a,b,c,d						C1		C2-a	C2-b	C9, 10	C2-a	C1, 2; C2-	15%

			<p>- Biết được trật tự thế giới cuối thế kỉ XX được hình thành theo xu hướng nào?</p> <p>Thông Hiểu:</p> <p>- Trình bày xu hướng hình thành trật tự thế giới mới vào đầu thế kỉ XXI. Tại sao Mỹ không thể tiếp tục duy trì trật tự thế giới đơn cực?</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Theo em, tuyên bố “Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế” phản ánh Việt Nam hướng đến xu hướng nào của trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh (1991)?</p>												
Tổng số câu				6		2	2	2						1	1
Tổng điểm				1.5		0.5	0.5	0.5						1.0	1.0
Địa lí															
1	Sự phân hóa lãnh thổ	<p>- Vùng Đông Nam Bộ.</p> <p>- Vùng Đồng bằng sông Cửu Long</p>	<p>NB:</p> <p>- Nêu được vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long</p> <p>- Nêu được vị trí tiếp giáp của vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.</p>	C9, 10											
				C11 C12				C2- a,b, c,d							

			<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được một số đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, các thế mạnh và hạn chế chính. - Nêu được sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế. <p>TH</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ biểu đồ miền thể hiện cơ cấu ngành kinh tế của vùng và cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn. <p>VD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính năng suất lúa của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long - Tính % dân số của vùng so với cả nước. - Nhận xét biểu đồ 								C1 tính năng suất lúa C2 tính % dân số của vùng so với cả nước.		C2-a vẽ biểu đồ miền	C2- b nhậ n xét biểu đồ	
Tổng số câu				4			4					2		1	1
Tổng điểm				1.0			1.0					1.0		1.5	0.5

TRƯỜNG NGÔ THỜI NHIỆM
Năm học: 2025-2026

MA TRẬN KIỂM TRA HỌC KÌ II - MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 9

TT	Nội dung kiến thức	Mức độ nhận thức												Tổng			
		Nhận biết				Thông hiểu				Vận dụng							
		CH		Điểm		CH		Điểm		CH		Điểm		CH		Điểm	
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
1	Bài 7. Thích ứng với thay đổi	7		1,75		2	1	0,5	1,0	1		0,25		10	1	2,5	1,0
2	Bài 8. Tiêu dùng thông minh	4		1,0		3		0,75		1	1	0,25	1,0	8	1	2,0	1,0
3	Bài 9. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý	5		1,25		3		0,75		2	1	0,5	1,0	10	1	2,5	1,0
Tổng		16		4,0		8	1	2,0	1,0	4	2	1,0	2,0	28	3	7,0	3,0
Tỷ lệ %		40				30				30							

BẢNG ĐẶC TẢ CHUẨN KIẾN THỨC KỸ NĂNG
KIỂM TRA HỌC KÌ II - MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 9

Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ cần nhận thức		
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
Bài 7. Thích ứng với thay đổi		Nhận biết - Nêu được một số thay đổi có thể xảy ra trong cuộc sống của bản thân và gia đình.	7TN		
		Thông hiểu - Giải thích được về sự cần thiết phải thích ứng với sự thay đổi. - Nêu được các biện pháp để thích ứng thay đổi trong cuộc sống.		2TN 1TL	
		Vận dụng - Thích ứng được với các thay đổi trong cuộc sống. - Thể hiện trách nhiệm đối với bản thân, thích ứng với sự thay đổi một cách hiệu quả.			1TN
Bài 8. Tiêu dùng thông minh		Nhận biết Nhận biết được thế nào là tiêu dùng thông minh.	4TN		
		Thông hiểu - Hiểu được lợi ích của tiêu dùng thông minh - Nêu được các cách tiêu dùng thông minh (nắm bắt thông tin về sản phẩm, sử dụng sản phẩm an toàn, nhận biết những hình thức quảng cáo khác nhau, xác định phương thức thanh toán,...).		3TN	
		Vận dụng - Đánh giá được hành vi tiêu dùng thông minh và kém thông minh. - Thực hiện được hành vi tiêu dùng thông minh trong một số tình huống cụ thể. - Thể hiện trách nhiệm của bản thân đối với việc tiêu dùng thông minh của bản thân và gia đình - Khích lệ, giúp đỡ người thân, bạn bè trở thành người tiêu dùng thông minh.			1TN 1TL
Bài 9. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý		Nhận biết - Nêu được khái niệm vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý. - Nêu được các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.	5TN		

Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ cần nhận thức		
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
		Thông hiểu - Nêu được ý nghĩa của trách nhiệm pháp lí.		3TN	
		Vận dụng - Tự giác, tích cực thực hiện các quy định của pháp luật. - Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí trong một số tình huống cụ thể. - Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật; tích cực ngăn ngừa và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật			2TN 1TL
Tổng	Trắc nghiệm	- Số câu TN: 28 - Số điểm: 7,0	16TN	8TN 1TL	4TN 2TL
	Tự luận	- Số câu TL: 3 - Số điểm: 3,0	4,0	2,0 1,0	1,0 2,0

TRƯỜNG NGÔ THỜI NHIỆM
BỘ MÔN GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II- NĂM HỌC: 2025 -2026

KHỐI 9

I. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, THỜI GIAN KIỂM TRA

- Nội dung: Chủ đề 6 và chủ đề 7 GDĐP 9. Tỷ lệ kiến thức: 40% nhận biết, 30 % thông hiểu, 20 % vận dụng, 10% vận dụng cao.
- Hình thức kiểm tra: Trực tiếp, 70% trắc nghiệm, 30% tự luận
- Thời gian: 45 phút.

Stt	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Câu hỏi theo mức độ nhận thức								Tổng số câu		Tổng thời gian	Tỷ lệ %	tổng số câu TN và TL
			NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		Vận dụng		Vận dụng cao						
			Câu hỏi TN	Thời gian	Câu hỏi TN	Thời gian	Câu hỏi TL	Thời gian	Câu hỏi TL	Thời gian	Câu hỏi TN	Câu hỏi TL			
1	Chủ đề 6: Thành phố Hồ Chí Minh – Trung tâm văn hoá, giáo dục.	- Nêu được vị trí, vai trò của Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm văn hoá, giáo dục lớn của cả nước. -Trình bày được những điều kiện thuận lợi và thành tựu nổi bật của Thành phố Hồ Chí Minh trong lĩnh vực văn hoá, giáo dục. -Phân tích được ý nghĩa của việc phát triển văn hoá, giáo dục đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của thành phố.	4		2		1				6	1	20,25	50%	8

		-Xác định được một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nhằm giữ gìn, phát huy giá trị văn hoá và nâng cao chất lượng giáo dục ở Thành phố Hồ Chí Minh.												
2	Chủ đề 7: Định hướng nghề nghiệp trong bối cảnh phát triển mới	- Trình bày được những yếu tố ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp như: năng lực bản thân, sở thích, xu hướng thị trường lao động, tác động của công nghệ và hội nhập quốc tế. - Phân tích được đặc điểm của thị trường lao động trong bối cảnh mới (chuyển đổi số, kinh tế tri thức, toàn cầu hoá) và yêu cầu đối với người lao động. - Xác định được một số ngành nghề tiềm năng, xu hướng nghề nghiệp trong tương lai và cơ hội việc làm ở Thành phố Hồ Chí Minh - Đánh giá được ý nghĩa của việc định hướng nghề nghiệp đúng đắn đối với sự phát triển cá nhân và đóng góp XH - Đề xuất được một số giải pháp, kỹ năng cần thiết (kỹ năng mềm, học tập suốt đời, thích ứng công nghệ...) để nâng cao khả năng lựa chọn và phát triển nghề nghiệp phù hợp.	6	2			1		8	1	20,25	50%		8
Tổng			10	4			1		14	2	45	100 %		16

TRƯỜNG NGÔ THỜI NHIỆM
BỘ MÔN GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II- GDDP 9 - NĂM HỌC: 2025-2026

I. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, THỜI GIAN KIỂM TRA

- Nội dung: Chủ đề 6 và chủ đề 7. Tỷ lệ kiến thức: 40% nhận biết, 30 % thông hiểu, 20 % vận dụng, 10% vận dụng cao.
- Hình thức kiểm tra: Trực tiếp, 70% trắc nghiệm, 30% tự luận
- Thời gian: 45 phút.

Stt	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
				Câu hỏi TN	Câu hỏi TN	Câu hỏi TL	Câu hỏi TL
1	Chủ đề 6: Thành phố Hồ Chí Minh – Trung tâm văn hoá, giáo dục.	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được vị trí, vai trò của Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm văn hoá, giáo dục lớn của cả nước. -Trình bày được những điều kiện thuận lợi và thành tựu nổi bật của Thành phố Hồ Chí Minh trong lĩnh vực văn hoá, giáo dục. -Phân tích được ý nghĩa của việc phát triển văn hoá, giáo dục đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của thành phố. 	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được vị trí, vai trò của Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm văn hoá, giáo dục lớn của cả nước. -Trình bày được một số thành tựu tiêu biểu của Thành phố Hồ Chí Minh trong lĩnh vực văn hoá và giáo dục. -Kể tên được một số công trình văn hoá, cơ sở giáo dục, trường đại học tiêu biểu của thành phố. <p>Thông hiểu</p>	4	2	1	

		<p>-Xác định được một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nhằm giữ gìn, phát huy giá trị văn hoá và nâng cao chất lượng giáo dục ở Thành phố Hồ Chí Minh.</p>	<p>-Trình bày được những điều kiện thuận lợi giúp Thành phố Hồ Chí Minh phát triển trở thành trung tâm văn hoá, giáo dục.</p> <p>-Phân tích được vai trò của văn hoá và giáo dục đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của thành phố.</p> <p>-Giải thích được vì sao cần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống trong quá trình hội nhập và phát triển.</p> <p>Vận dụng cao</p> <p>-Đề xuất được một số giải pháp nhằm giữ gìn, phát huy giá trị văn hoá và nâng cao chất lượng giáo dục ở Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>-Đánh giá được vai trò của thanh thiếu niên trong việc xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị văn minh, hiện đại, nghĩa tình.</p>				
2	Chủ đề 7: Định hướng nghề nghiệp trong bối cảnh phát triển mới	<p>- Trình bày được những yếu tố ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp như: năng lực bản thân, sở thích, xu hướng thị trường lao động, tác động của công nghệ và hội nhập quốc tế.</p> <p>- Phân tích được đặc điểm của thị trường lao động trong bối cảnh mới (chuyển đổi số, kinh tế tri thức, toàn cầu hoá) và yêu cầu đối với người lao động.</p> <p>- Xác định được một số ngành nghề tiềm năng, xu hướng nghề nghiệp trong tương lai và cơ hội việc làm ở Thành phố Hồ Chí Minh</p> <p>- Đánh giá được ý nghĩa của việc định hướng nghề nghiệp đúng đắn đối với sự phát triển cá nhân và đóng góp XH</p>	<p>Nhận biết</p> <p>-Nêu được khái niệm định hướng nghề nghiệp và ý nghĩa của việc lựa chọn nghề trong cuộc sống.</p> <p>-Kể tên được một số ngành nghề chủ yếu tại TP.HCM mở rộng (dịch vụ, công nghiệp, logistics, du lịch biển, công nghệ cao,...).</p> <p>-Trình bày được một số yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn nghề như: năng lực, sở thích, điều kiện gia đình và nhu cầu lao động tại địa phương.</p> <p>Thông hiểu</p> <p>-Trình bày được đặc điểm phát triển kinh tế – xã hội của TP.HCM sau sáp nhập (trung tâm kinh tế, công nghiệp, cảng biển, du lịch, công nghệ cao).</p> <p>-Phân tích được mối quan hệ giữa nhu cầu nhân lực của địa phương với định hướng nghề nghiệp của học sinh.</p>	6	2		1

		<p>- Đề xuất được một số giải pháp, kỹ năng cần thiết (kỹ năng mềm, học tập suốt đời, thích ứng công nghệ...) để nâng cao khả năng lựa chọn và phát triển nghề nghiệp phù hợp.</p>	<p>-Giải thích được vì sao cần lựa chọn nghề phù hợp với xu thế phát triển của vùng (chuyển đổi số, kinh tế biển, công nghiệp hiện đại).</p> <p>-Phân tích được tác động của hội nhập quốc tế và công nghệ đến cơ cấu nghề nghiệp tại TP.HCM.</p> <p>Vận dụng cao</p> <p>-Đề xuất được kế hoạch định hướng nghề nghiệp phù hợp với bản thân gắn với cơ hội việc làm tại TP.HCM mở rộng.</p> <p>-Đánh giá được tiềm năng phát triển của một số ngành nghề tại địa phương (công nghệ, logistics, du lịch, dịch vụ chất lượng cao,...).</p> <p>-Vận dụng kiến thức để lựa chọn nghề phù hợp với năng lực cá nhân và nhu cầu phát triển của địa phương.</p> <p>-Đề xuất được các giải pháp rèn luyện bản thân (kỹ năng số, ngoại ngữ, kỹ năng mềm...) nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của TP.HCM</p>				
Tổng số câu: 16			10	4	<i>1</i>	<i>1</i>	

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

- Kiến thức:* Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong Chủ đề 1: Kỹ Thuật Hai Bước Ném Rõ Một Tay Dưới Thấp
- Năng lực:* Đánh giá các năng lực chung bao gồm năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- Phẩm chất:* Giúp học sinh tiếp cận và khuyến khích phát triển các phẩm chất chủ yếu.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- Thời gian làm bài: 45 phút.

III. MA TRẬN

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		Tổng điểm %	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		VD cao		Số CH			Thời gian (phút)
			Số CH	Thời gian (phút)	Số C H	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	T L		
	- Các động tác hỗ trợ kỹ thuật c.	- Lựa chọn được các trò chơi vận động nhằm phát triển thể lực.	1		1		3		3		5			

															50
	Kỹ Thuật Hai Bước Ném Rổ Một Tay Dưới Thấp	- Biết được một số điều luật cơ bản của môn Bóng Rổ.	1		1		3		3		3				
		- Hoàn thành kỹ thuật động tác	1		1		3		9						50
Tổng			3		3		9				40		45	100	
Tỉ lệ % mức độ nhận thức			15		15		20		50		100				

IV. BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HK II - NĂM HỌC 2025-2026
Môn: GDTC Lớp 9 (Thực hành)

ST T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	CHỦ ĐỀ: Kỹ Thuật Hai Bước Ném Rổ Một Tay Dưới Thấp	- Lựa chọn được các trò chơi vận động nhằm phát triển thể lực	Nhận biết: - Nêu được tên các động tác kỹ thuật bóng rổ - Biết tên các trò chơi phát triển thể lực. - Khắc phục được hiện tượng “cực điểm” xảy ra khi chạy cự li trung bình.	1 (0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(1,5 đ)	
		- Biết được một số điều luật cơ bản của môn Bóng Rổ.	Thông Hiểu: - Chỉ ra được nguyên nhân dẫn đến động tác sai và cách khắc phục động tác sai đó. - Phát biểu được một số điều luật cơ bản của môn bóng rổ - So sánh được nội dung, phương pháp tập luyện phù hợp để nâng cao sức khỏe.	1(0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(1,5 đ)	
		- Hoàn thành kỹ thuật động tác	Vận dụng: - Thực hiện được các bài tập bổ trợ trong luyện tập; phối hợp các giai đoạn kỹ thuật. Hoàn thành lượng vận động của nội dung kiểm tra.				1(5 đ)

Trường TH- THCS-THPT Ngô Thời Nhiệm

Tổ Nghệ thuật. Bộ môn: Âm nhạc

BẢNG ĐẶC TẢ, ĐỀ KIỂM TRA HK II

Bộ môn: Nghệ thuật 9 (Âm nhạc)

BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Hình thức đánh giá	
				Thường xuyên	Định kì
1	Hát	Chủ đề 5: “Mùa xuân đã về” Chủ đề 6: “Lí ngựa ô” Chủ đề 7: “Nụ cười”	Nhận biết: Nêu được tên bài hát, tên các tác giả và nội dung của bài hát.	X	X
			Thông hiểu: - Cảm nhận được sắc thái và tình cảm của các bài hát. - Biết nhận xét về việc trình diễn bài hát của bản thân hoặc người khác.	X X	
			Vận dụng: - Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái. - Hát rõ lời và thuộc lời; biết chủ động lấy hơi; duy trì được tốc độ ổn định. - Biết hát đơn ca, song ca, tốp ca, đồng ca.	X X X	X X X

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Hình thức đánh giá	
				Thường xuyên	Định kì
			<ul style="list-style-type: none"> - Biết điều chỉnh giọng hát để tạo nên sự hài hoà. - Phân biệt được sự giống và khác nhau giữa các câu hát. - Biết hát kết hợp gõ đệm, vận động hoặc đánh nhịp. - Biết biểu diễn bài hát ở trong và ngoài nhà trường với hình thức phù hợp. 	X X X X X	X X X X
2	Nghe nhạc	Nghe bản nhạc: Mùa xuân đến	Nhận biết: Nêu được tên bản nhạc, tên tác giả	X	
		Nghe bản nhạc: Serenade	Thông hiểu: Cảm nhận được vẻ đẹp của tác phẩm âm nhạc	X	
		Nghe nhạc: Mỏ cá	Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> - Biết biểu lộ cảm xúc khi nghe nhạc. - Biết tưởng tượng khi nghe nhạc. - Biết vận động cơ thể hoặc gõ đệm phù hợp với nhịp điệu. 	X X X	
3	Đọc nhạc	Bài đọc nhạc số 4 Bài đọc nhạc số 5	Nhận biết: Đọc đúng tên nốt trong bài đọc nhạc	X	X

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Hình thức đánh giá	
				Thường xuyên	Định kì
			Thông hiểu: - Hiểu được các kí hiệu trong bài đọc nhạc. - Phân biệt được sự giống nhau hoặc khác nhau của các nốt nhạc. Cảm nhận được tính chất của bài đọc nhạc	X	
			Vận dụng: - Đọc đúng cao độ gam La thứ. - Thể hiện đúng cao độ và trường độ bài đọc nhạc. - Biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm.	X X X	X X
			Nhận biết: Biết chơi nhạc cụ đúng tư thế.	X	
4	Nhạc cụ	- Nhạc cụ thể hiện tiết tấu: Áp dụng các mẫu tiết gõ đệm cho bài hát. - Nhạc cụ thể hiện giai điệu: <i>Thể hiện Bài thực hành số 3, 4.</i>	Thông hiểu: Biết nhận xét về cách chơi đàn và cách chơi nhạc cụ của bản thân hoặc người khác.	X	
			Vận dụng: - Biết chơi nhạc cụ đúng kĩ thuật. - Tự làm được các nhạc cụ gõ đơn giản từ chất liệu sẵn có. - Thể hiện đúng cao độ, trường độ, sắc thái các bài tập tiết tấu, giai điệu,	X X X	X X

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Hình thức đánh giá	
				Thường xuyên	Định kì
			hoà âm; duy trì được tốc độ ổn định. - Biết chơi nhạc cụ với hình thức độc tấu. - Biết điều chỉnh cường độ để tạo nên sự hài hoà; biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc. - Biết chơi nhạc cụ với hình thức hoà tấu. - Biết kết hợp các loại nhạc cụ để hoà tấu hoặc đệm cho bài hát. - Biết biểu diễn nhạc cụ ở trong và ngoài nhà trường với hình thức phù hợp.	x x x x x	x x x x
5	Thường thức âm nhạc	Trống paranung và đàn k'long pút - Nhạc sĩ Franz Schubert - Một số di sản văn hóa phi vật thể.	Nhận biết: Biết đôi nét về hai loại trống.	x	
			Thông hiểu: - Nêu được một số đặc điểm của Trống paranung và k'long pút - Cảm nhận và phân biệt được âm sắc của hai loại nhạc cụ này - Nêu được những nét chính về cuộc đời và sự nghiệp của nhạc sĩ Schubert	x x x	

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Hình thức đánh giá	
				Thường xuyên	Định kì
				X	
			Vận dụng: - Nhận biết và phân biệt được âm sắc của nhạc cụ khi nghe nhạc. - Cảm nhận được tính chất âm nhạc của hai loại nhạc cụ khi nghe. - Bảo tồn và phát huy các nhạc cụ truyền thống.	X X X X	

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II – NĂM HỌC 2025-2026
MÔN MĨ THUẬT LỚP 9

Nội dung kiểm tra	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
Mĩ thuật tạo hình / ứng dụng	<p>Yếu tố và nguyên lí tạo hình:</p> <ul style="list-style-type: none">- Chấm, nét, hình, mảng, màu sắc, đậm nhạt.- Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu. <p>Thể loại:</p> <ul style="list-style-type: none">- Hội họa / Đồ họa ấn loát. <p>Hoạt động thực hành:</p> <ul style="list-style-type: none">- Thực hành sáng tạo sản phẩm 2D theo phong cách Pop Art. <p>Định hướng chủ đề:</p> <ul style="list-style-type: none">- Văn hóa xã hội, hình ảnh đại chúng, đời sống hiện đại.	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none">- Thể hiện được nội dung chủ đề và đặc điểm nhận dạng của phong cách Pop Art (màu sắc, đường nét). <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none">- Chỉ ra được các bước cơ bản để tạo hình một bức tranh Pop Art.- Hiểu được giá trị thẩm mỹ của các hình ảnh đời thường khi đưa vào nghệ thuật. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none">- Vận dụng được yếu tố chấm, nét, mảng phối hợp với nguyên lí tương phản màu sắc để thực hành.- Giới thiệu, nhận xét đánh giá được sản phẩm (cá nhân/nhóm).